

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	MT610012
1.2. Tên học phần:	Quản lý môi trường
1.3. Tên tiếng Anh:	Environmental Management
1.4. Số tín chỉ:	2 (2 LT)
1.5. Phân bố thời lượng	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Môi trường
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Hoàng Thị Bích Hồng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Lê Duy Khương, ThS. Diệp Thị Thu Thủy
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần Quản lý môi trường, người học nắm được kiến thức về quản lý môi trường, các công cụ trong quản lý môi trường, đồng thời có kỹ năng vận dụng được các công cụ quản lý vào quản lý môi trường cụ thể.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức về khái niệm, nội dung, mục tiêu, nguyên tắc trong quản lý môi trường;

- CO2: Có kiến thức về các công cụ luật pháp – chính sách, kinh tế, kỹ thuật và phụ trợ trong quản lý môi trường;

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng sử dụng các công cụ quản lý trong môi trường cụ thể;

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có thái độ nghiêm túc, ý thức trách nhiệm, tích cực trong học tập, nhận thức được vai trò của người thực hiện công tác quản lý môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được khái niệm, nội dung, mục tiêu, nguyên tắc trong quản lý môi trường.	CO1, CO4
CLO2	Phân tích được các công cụ luật pháp, kinh tế, kỹ thuật, phụ trợ trong quản lý môi trường.	CO2, CO4
CLO3	Phân tích được hiện trạng và vận dụng phù hợp các công cụ trong quản lý môi trường.	CO2, CO3, CO4
CLO4	Nhận thức được vai trò của việc tuân thủ các quy định trong quản lý môi trường cụ thể.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định theo 4 mức I, M, R, A¹ cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1							R	I	I		R	
CLO 2							R	I	I		R	
CLO 3			I				R	I	I			I
CLO 4			I				I	I	I		R	I
Tổng hợp			I				R	I	I		R	I

¹ I(Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu;

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...;

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu;

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
học phần												

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Hồ Thị Lam Trà (2011), *Giáo trình quản lý môi trường*, Nxb. Đại học Nông Nghiệp Việt Nam.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Lưu Đức Hải chủ biên (2006), *Cẩm nang quản lý môi trường*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần học;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x 15 tuần;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra giữa kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1-3	(*) Giới thiệu học phần Chương 1. Những vấn đề cơ bản của quản lý môi trường 1.1. Một số vấn đề cơ bản của khoa học môi trường 1.2. Các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững 1.3. Những vấn đề chung trong quản lý môi trường	6	Trình bày được khái niệm, phân loại, chức năng của môi trường; mối quan hệ giữa môi trường và phát triển; các vấn đề trong quản lý môi trường.	CLO1	- Thuyết giảng, - Thảo luận; - Giao bài tập về nhà (BTVN). - Kiểm tra bài tập về nhà
4-11	Chương 2. Các công cụ trong quản lý môi trường 2.1. Khái quát chung về công cụ quản lý môi trường 2.2. Công cụ luật pháp, chính sách 2.3. Công cụ kinh tế 2.4. Công cụ kỹ thuật 2.5. Công cụ phụ trợ Bài kiểm tra định kỳ	16	Giải thích được khái niệm, đặc điểm, phân loại công cụ quản lý môi trường và phân biệt được các công cụ trong quản lý môi trường.	CLO2, CLO4	- Kiểm tra bài tập về nhà - Thuyết giảng, - Thảo luận; - Giao bài tập về nhà (BTVN).

12-13	<p>Chương 3. Quản lý môi trường khu đô thị và khu công nghiệp</p> <p>3.1. Tổng quan về đô thị hóa và công nghiệp hóa</p> <p>3.2. Hiện trạng quản lý môi trường khu công nghiệp và đô thị</p> <p>3.3. Quản lý môi trường khu đô thị và khu công nghiệp</p>	4	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của khu đô thị, khu công nghiệp và phân tích được hiện trạng và lựa chọn được biện pháp phù hợp trong quản lý môi trường khu công nghiệp và đô thị.	CLO3, CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, - Thảo luận; - Báo cáo - Giao bài tập về nhà (BTVN).
14-15	<p>Chương 4. Quản lý môi trường nông thôn và làng nghề</p> <p>4.1. Tổng quan về môi trường nông thôn và môi trường làng nghề</p> <p>4.2. Hiện trạng môi trường nông thôn và môi trường làng nghề</p> <p>4.3. Quản lý môi trường nông thôn và làng nghề</p> <p>Bài kiểm tra định kỳ</p>	4	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của môi trường nông thôn và môi trường làng nghề và phân tích được hiện trạng và lựa chọn được biện pháp quản lý môi trường nông thôn và làng nghề.	CLO3, CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, - Thảo luận; - Giao bài tiểu luận trước 2 tuần để sinh viên chuẩn bị - Báo cáo – thuyết trình - Ôn tập.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Thời gian dự lớp, ý thức dự lớp, ý thức tự học	Thời gian 30%, ý thức dự lớp 30%, ý thức tự học 40%	x	CLO4	Điểm danh, ghi chú thái độ tham dự lớp, ý thức tự học của từng sinh viên theo buổi học, sau đó chấm điểm.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra định kỳ (tuần 11)	50%	x	CLO1, CLO2	Sinh viên làm bài trên lớp vào đề trên giấy kiểm tra do

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
						giảng viên chuẩn bị sẵn. GV chấm theo thang điểm cho sẵn trong bài kiểm tra.
		Vận dụng các công cụ quản lý vào trong môi trường quản lý cụ thể	50%	x	CLO3	SV làm bài tập lớn theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. Báo cáo trước lớp GV sẽ chấm điểm căn cứ vào báo cáo của SV
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Toàn bộ nội dung của phần lý thuyết từ chương 1 – chương 4	100%	x	CLO1, CLO2, CLO3	Bài thi cuối kỳ GV sẽ chấm kết quả thực hiện bài làm của sinh viên.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm cho mỗi mục	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Thời gian dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ \geq 90% số tiết trên lớp	Có ý thức phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ \geq 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: chương 1 đến chương 4
- Hình thức: Tự Luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1, 2,	- Trình bày đúng và đủ các nội dung theo đáp án: 100% (10 điểm) - Trình bày rõ ràng, dễ hiểu (0,5 điểm) - Trình bày thiếu, hoặc sai nội dung thì sẽ tính điểm trừ theo %	10
2	Bài tập lớn chương 3, 4	- Phân tích vấn đề môi trường tại một địa bàn cụ thể và đề xuất biện pháp quản lý - Nếu SV xây dựng luận chứng có các nội dung thiếu hoặc sai so với các yêu cầu quy định sẽ tính điểm trừ theo % - Hình thức báo cáo 10% (1 điểm) - Thuyết trình và trả lời câu hỏi 20% (2 điểm)	10
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 2 đến chương 4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Các công cụ trong quản lý môi trường,	- Trình bày đúng và đủ các nội dung theo đáp án: 100% (5 điểm) - Trình bày thiếu, hoặc sai nội dung thì sẽ tính điểm trừ theo %	5
2	Quản lý môi trường đô thị, khu công nghiệp, môi trường nông thôn, làng nghề	- Trình bày đúng và đủ các nội dung theo đáp án: 100% (5 điểm) - Trình bày thiếu, hoặc sai nội dung thì sẽ tính điểm trừ theo %	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa



Lê Duy Khương

Người biên soạn



Hoàng Thị Bích Hồng